SỞ GD & ĐT ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 383 /QĐ-THPTPĐG

Điện Biên Phủ, ngày 10 tháng 10 năm2024

QUYẾT ĐỊNH
V/v công khai thực hiện dự toán thu, chi Ngân sách Quý III năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Phụ trách Kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước Quý III năm 2024 của trường THPT Phan Đình Giót (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phụ trách Kế toán tổ chức thực hiện công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Các tổ và Phụ trách Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG T.H.P.T PHAN ĐÌNH GIÓT

Phạm Thành Luân

Đơn vị: Trường THPT Phan Đình Giót
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Điện Biên Phủ, ngày 10 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 383 / QĐ-THPTPDG ngày 10/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Phan Đình Giót)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT Phan Đình Giót công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý III năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
Số TT	**Nội dung**	**Dự toán năm**	**Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm**	**Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)**	**Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)**
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***				
3	***Thu SXKD, dịch vụ***				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi sự nghiệp***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	***Chi SXKD, dịch vụ***				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***				

B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**3.455.774.411**		
I	**Nguồn ngân sách trong nước**		**3.455.774.411**		
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**		**3.455.774.411**		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.419.471.911		
	- Mục: 6100 Phụ cấp lương		**1.073.404.785**		
	6101: Phụ cấp chức vụ		23.220.000		
	6102: Phụ cấp khu vực		185.500.000		
	6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		535.992.450		
	6113: Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		10.049.400		
	6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		300.120.935		
	6149: Phụ cấp khác		18.522.000		
	- Mục: 6000 Tiền lương		**1.584.528.743**		
	6001: Lương theo ngạch, bậc		1.584.528.743		
	- Mục: 7850 Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp		**8.100.000**		
	7854: Chi thanh toán các dịch vụ, vật tư, thông tin tuyên truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng NV, công tác Đảng, các CP Đảng vụ khác và phụ cấp		8.100.000		
	- Mục: 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		**30.798.400**		
	6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		30.798.400		
	- Mục: 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng		**41.521.684**		
	6501: Tiền điện		17.270.713		
	6502: Tiền nước		19.950.971		
	6505: Tiền khoán phương tiện theo chế độ		4.300.000		
	- Mục: 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		**5.711.699**		
	6601: Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax		464.863		
	6603: Cước phí bưu chính		72.257		

	6605: Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng		5.174.579		
	6606: Tuyên truyền; quảng cáo				
	- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng				
	6912: Các thiết bị công nghệ thông tin				
	6913: Tài sản và thiết bị văn phòng				
	6921: Đường điện, cấp thoát nước				
	- Mục: 6550 Vật tư văn phòng		**12.828.472**		
	6551: Văn phòng phẩm		12.828.472		
	6552: Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
	6599: Vật tư văn phòng khác				
	- Mục: 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		**53.040.000**		
	7001: Chi mua hàng hóa, vật tư				
	7012: Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		53.040.000		
	- Mục: 6250 Phúc lợi tập thể				
	6299: Chi khác				
	- Mục: 6300 Các khoản đóng góp		**455.951.140**		
	6301: Bảo hiểm xã hội		340.043.677		
	6302: Bảo hiểm y tế		58.293.202		
	6303: Kinh phí công đoàn		38.183.193		
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp		19.431.068		
	- Mục: 6200 Tiền thưởng		**85.176.000**		
	6201: Thưởng thường xuyên		85.176.000		
	- Mục: 6700 Công tác phí		**36.774.076**		
	6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe		4.124.076		
	6702: Phụ cấp công tác phí		17.800.000		
	6703: Tiền thuê phòng ngủ		14.850.000		
	- Mục: 7050 Mua sắm tài sản vô hình		**8.192.000**		

	7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		8.192.000		
	Mục 7750 Chi khác		**23.444.912**		
	7756: Chi các khoản phí và lệ phí		7.350.000		
	7757: Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		16.094.912		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		36.302.500		
	- Mục 6150 Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên cán bộ đi học		**12.150.000**		
	6199: Các khoản hỗ trợ khác		12.150.000		
	- Mục: 7750 Chi khác		**24.152.500**		
	7766: Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		24.152.500		

Điện Biên Phủ, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG T.H.P.T PHAN ĐÌNH GIÓT

Phạm Thành Luân

TỈNH ĐIỆN BIÊN